

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ này không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ về các rủi ro và mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.



BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4)

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ Đại chúng số 06/GCN-UBCK

do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 16/12/2013)

Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ ngày 26/8/2019

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 3825 1488 Fax: (84.28) 3825 1489

Email: info@vfm.com.vn

Website: www.vfm.com.vn

- Chi nhánh Hà Nội:

Phòng 903, tầng 9, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3942 8168 Fax: (84.24) 3942 8169

- Bản cáo bạch này được cung cấp tại địa điểm đăng ký của các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ VFMVF4 theo danh sách trong Phụ lục I của Bản Cáo Bạch này

- Bản cáo bạch có thể được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3825 1488 Fax: (84.28) 3825 1489

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4) - sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVF4, Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ VFMVF4 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ VFMVF4 được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ VFMVF4 do Công ty quản lý quỹ và các đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ VFMVF4 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	6
III.	TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ	10
IV.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFMVF4.....	12
1.	Thông tin chung về Quỹ VFMVF4	12
2.	Tình hình hoạt động của Quỹ VFMVF4	13
(*)	Tăng trưởng từ khi hoạt động bao gồm cổ tức đã trả cho nhà đầu tư trong quá khứ.	13
3.	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ	13
4.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	16
4.1	Rủi ro thị trường	16
4.2	Rủi ro tính thanh khoản của thị trường	17
4.3	Rủi ro về lãi suất thị trường	17
4.4	Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác	17
4.5	Rủi ro pháp lý	17
4.6	Rủi ro rút vốn	17
4.7	Rủi ro xung đột lợi ích	18
4.8	Thuế	18
V.	GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	18
1.	Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.....	18
2.	Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ	19
3.	Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	20
4.	Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ	20
5.	Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ	21
6.	Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở.....	22
7.	Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	22
8.	Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...).....	23
9.	Người được uỷ quyền từ nhà đầu tư	23
10.	Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4.....	23
11.	Các trường hợp giao dịch không hợp lệ	24
11.1	Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ	24
11.2	Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ	24
12.	Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ VFMVF-ISAVING	24
12.1.	Tổng quan:	24
12.2.	Thủ tục tham gia chương trình:.....	25
12.3.	Cách thức hoạt động	26
d.	Ngày giao dịch (ngày T).....	26
e.	Ngày thanh toán định kỳ	26
12.4	Giá dịch vụ áp dụng	26

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC.....	27
1. Thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ VFM.....	27
2. Ngân Hàng Giám Sát	28
3. Công ty Kiểm Toán	28
4. Tổ Chức Được Ủy Quyền.....	28
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	28
VIII.GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)	29
1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	29
2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	29
IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33
1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả	33
1.1 Giá phát hành tại các lần giao dịch.....	33
1.2 Giá dịch vụ mua lại.....	33
2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả	34
3. Các chỉ tiêu hoạt động.....	37
X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ.....	38
1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	38
2. Phân phối lợi nhuận.....	38
XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	38
XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	39
XIII.CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	39
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ.....	40
XV. CAM KẾT.....	40
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	40
PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4).....	41

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701 – 04, lầu 17, Cao ốc Văn phòng Melinh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08 38251488

Fax: 08 38251489

Ông DOMINIC SCRIVEN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông TRẦN THANH TÂN

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Ông: NIRUKT NARAIN SAPRU

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM). Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ VFMVF4 xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ VFMVF4 và theo quy định pháp luật. .

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVF4) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được chuyển đổi từ Quỹ VF4 dạng đóng, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty thực hiện huy động vốn và quản lý Quỹ VFMVF4,
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.
“Ngân hàng giám sát và lưu ký”	Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.
“Công ty kiểm toán”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VFMVF4, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVF4 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định hàng năm.
“Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM”	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

"Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội"	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Điều lệ Quỹ"	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVF4 được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ VFMVF4,
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ VFMVF4,
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ VFMVF4, Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVF4,
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ VFMVF4, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ.
"Đơn vị quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ VFMVF4"	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ VFMVF4 phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ VFMVF4 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Bản cáo bạch này.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4,

“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương IX, mục 2.1 của Bản cáo bạch.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương IX, mục 2.1 của Bản cáo bạch.
“Giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi” hay gọi là “Phí phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi thành quỹ mở. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVF4.
“Năm tài chính”	<p>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. năm tài chính đầu tiên của Quỹ VFMVF4 sẽ được tính từ ngày Quỹ VFMVF4 được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.</p>
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	(Sau đây gọi tắt là NAV) Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVF4 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ VFMVF4 tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	<p>Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVF4,</p> <p>Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (của kỳ định giá ngày) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng).</p>
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	<p>Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh.</p> <p>Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện định kỳ hằng ngày, vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật.</p>
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	<p>Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày định giá và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện</p>

từ của công ty hoặc bằng thư điện tử.

“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	<p>Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quý: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	<p>Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư;- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
“Người có liên quan”	<p>Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.</p>
“Các định nghĩa khác”	<p>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.</p>

III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Kinh tế Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn mục tiêu trong năm 2017 khi sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng cao và sản xuất nông nghiệp đã phục hồi rõ rệt sau các khó khăn trong năm 2016. Các nỗ lực của Chính phủ và quyết tâm đổi mới thể chế đã có các tác động đáng kể tới các hoạt động kinh tế. Kinh tế vĩ mô có sự ổn định trong cả năm và đã tạo được niềm tin với người đầu tư, tạo cơ sở cho việc gia tăng thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định trong chu kỳ tăng trưởng trung hạn và tạo được sự thu hút giới đầu tư với các tiến bộ rõ rệt trong quản lý kinh tế, ổn định chính trị, từ các lợi ích có được từ việc tham gia các hiệp định thương mại tự do và chương trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp. Câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2017 được kỳ vọng sẽ tiếp tục trong năm 2018 với mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2018 là 6,7% và kiểm soát lạm phát ở mức 4%.

KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ TRONG NĂM 2017

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng tốt trong năm 2017 với tốc độ tăng trưởng quý IV là 7,65% và tăng trưởng cả năm đạt 6,81%, cao hơn mục tiêu 6,7%. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu do tác động của tăng trưởng sản xuất công nghiệp (9,4% so với năm 2016 là 7,4%) và tăng trưởng tiêu dùng trong nước. Xu hướng tăng trưởng GDP sẽ tiếp tục trong năm 2018 khi hai động lực nêu trên vẫn tiếp tục được duy trì. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chính đều đạt mục tiêu đề ra. Lạm phát cả năm 2017 tăng 3,53% thấp hơn so với mục tiêu 4%, đồng Việt nam tại thời điểm 31/12/2017 tăng 0,26% so với đồng USD trên thị trường liên ngân hàng và tỷ giá có sự ổn định trong cả năm. Tăng trưởng tín dụng và M2 2017 tương ứng 16,96% và 14,19% (So với năm 2016 là 18,71% và 16,47%) là mức tăng phù hợp để hỗ trợ kinh tế phát triển đồng thời thể hiện sự cẩn trọng của SBV trong nỗ lực kiểm soát lạm phát. Lãi suất cho vay các kỳ hạn duy trì ổn định trong cả năm trong khoảng 6%-10% (năm 2016 là 9%-11%) đã hỗ trợ rất lớn cho hoạt động kinh doanh phát triển. Chính sách tài khóa là công cụ chính trong điều tiết ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2017 khi chính sách tài khóa chưa phát huy được tác dụng, công cụ này sẽ được sử dụng mạnh mẽ trong năm 2018.

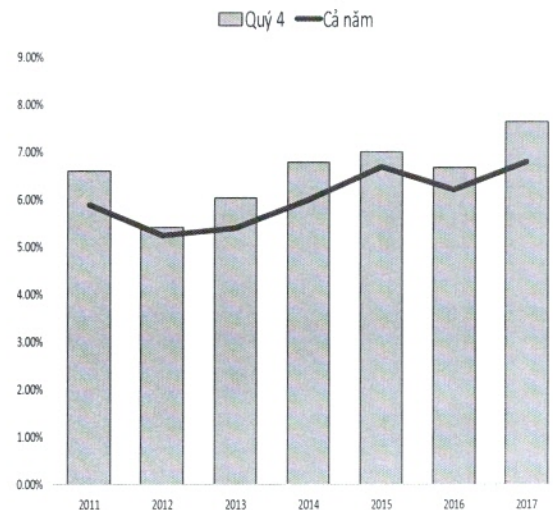
CÁC RỦI RO ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM ĐANG GIẢM DẦN

Các rủi ro nội tại và từ bên ngoài có thể gây ra các đổ vỡ đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô và hoạt động sản xuất kinh doanh của Việt Nam đang có xu hướng giảm. Hai rủi ro đã được xác định là tỷ lệ nợ công cao và thâm hụt ngân sách đều đã được hạn chế trong năm 2017 khi tỉ lệ nợ công giảm xuống 61,3% GDP (thấp hơn đáng kể so với mức trần 65% và mục tiêu 63,5% cho năm 2017 – do tác động của các nỗ lực kiểm soát nợ công và tăng trưởng GDP cao) và tỷ lệ thâm hụt ngân sách là 2,31% GDP (giảm mạnh từ mức 4,28% trong năm 2016 và thấp hơn đáng kể so với kế hoạch ở mức 3,5%). Trong năm 2018, hai rủi ro này sẽ tiếp tục được kiểm soát tốt với các chính sách và mục tiêu đã được chính phủ công bố (nợ công tương đương 63,9% GDP vào cuối năm 2018). Trong ngắn hạn, kinh tế Việt Nam không chịu sức ép đối mặt với các rủi ro có thể gây đổ vỡ đối với sự ổn định kinh tế. Năm 2017 đã xác lập sự ổn định cho kinh tế Việt Nam sau khi các chính sách tiền tệ đã thể hiện sự hiệu quả và các chương trình kinh tế lớn được khởi động mạnh mẽ.

CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

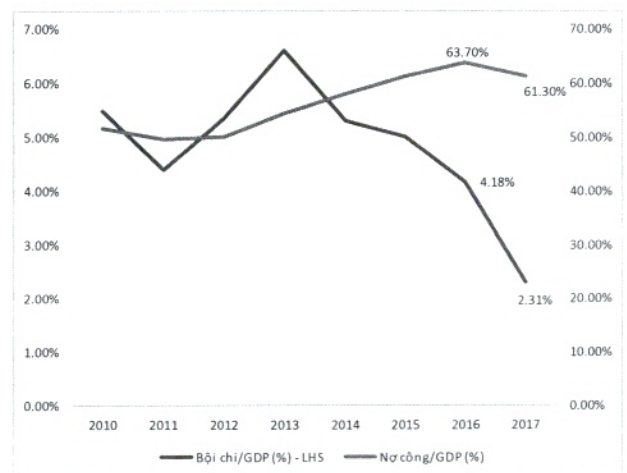
Việt nam đang trong chu kỳ tăng trưởng trung hạn, khởi đầu từ năm 2016 và đang trong giai đoạn đặc biệt của chu kỳ tăng trưởng khi tất cả các yếu tố đều hỗ trợ tốc độ tăng trưởng cao. Kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn bước vào đỉnh cao của giai đoạn hồi phục (xem hình). Chính phủ Việt Nam đang duy trì chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ mở rộng thận trọng. Đồng thời, Việt nam đang có chu kỳ lạm phát thấp

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ 4 VÀ CẢ NĂM GIAI ĐOẠN 2011-2017 (%)



Nguồn: GSO

TỶ LỆ NỢ CÔNG VÀ BỘI CHI NGÂN SÁCH/GDP GIAI ĐOẠN 2010-2017 (%)



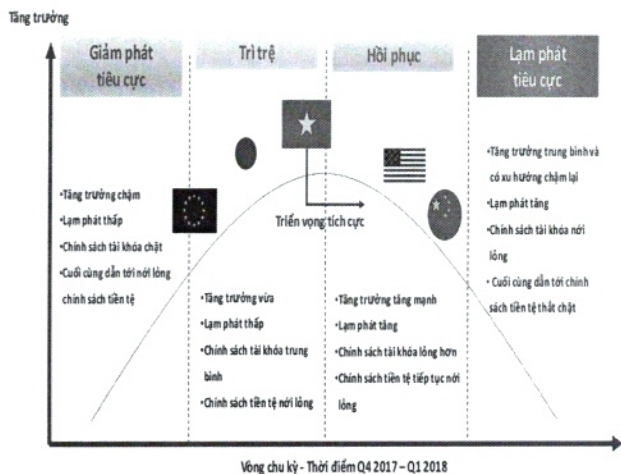
Nguồn: GSO/VFM

và lãi suất thấp. Các yếu tố nêu trên cùng với các lợi thế về thu hút vốn đầu tư nước ngoài đang hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Việt Nam sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP cao trong trung hạn khi môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, các động lực tăng trưởng từ mở rộng sản xuất và gia tăng tiêu dùng nội địa vẫn đang được duy trì. Việt Nam sẽ tiếp tục là điểm thu hút đầu tư nước ngoài khi các điểm hạn chế phát triển bao gồm thể chế, hạ tầng và trình độ nguồn nhân lực đã được xác định và giải quyết tích cực trong năm 2017 và sẽ tiếp tục được giải quyết trong giai đoạn 2018-2020. Bên cạnh đó, lợi ích từ việc tham gia các hiệp định thương mại tự do là các động lực cho sự tăng trưởng nhanh của kinh tế Việt Nam.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG 2018

Mục tiêu hàng đầu của Chính phủ trong năm 2017 sẽ là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô bên cạnh việc nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính sẽ tiếp tục sử dụng linh hoạt chính sách tiền tệ đồng thời gia tăng đầu tư công để điều tiết kinh tế vĩ mô. Lãi suất cho vay có xu hướng giảm nhẹ nhằm hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chính sách tiền tệ nới lỏng thận trọng tiếp tục được duy trì hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp sẽ được thực hiện triệt để và đúng tiến độ. Hoạt động sản xuất tiếp tục được mở rộng cùng với gia tăng tiêu dùng xã hội. Ngành dịch vụ sẽ trở thành trọng tâm phát triển trong năm 2018. Các dự báo cho thấy mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% cho cả năm 2017 là khả thi. Việc duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định là rất quan trọng trong giai đoạn trung hạn để có thể đưa Việt Nam vào giai đoạn tăng trưởng mới.

CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ VIỆT NAM - GIAI ĐOẠN 2017-2018



Nguồn: VFM

CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2016 - 2017 VÀ MỤC TIÊU 2018

	Đơn vị	Thực tế 2016	Thực tế 2017	Kế hoạch 2018
Tăng trưởng GDP	%	6,21%	6,81%	6.7%
Lạm phát	%	4,74%	3.53%	<4%
Tăng trưởng XK	%	8,36%	21,1%	7%-8%
Tăng trưởng NK	%	4,60%	20,8%	7%-8%
Cán cân XNK	Tỷ US\$	2,68	2,7	<-6.8
Giải ngân FDI	Tỷ US\$	15,9	17,5	n/a (*)
Dự trữ ngoại hối	Tỷ US\$	41	51,5	n/a (*)
Đầu tư xã hội	%GDP	33	33,3	34
Tăng trưởng tín dụng	%	18,71	16,96	17
Tăng trưởng cung tiền	%	17,88	14,19	16

(*) Không có mục tiêu cụ thể

Nguồn: GSOVFM

IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFMVF4

1. Thông tin chung về Quỹ VFMVF4

- Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4)
- Tên tiếng Anh	Vietnam Blue – Chip Fund
- Tên viết tắt	Quỹ VFMVF4
- Hình thức của Quỹ	Quỹ đại chúng dạng mở
- Nhà đầu tư của Quỹ	Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam
- Thời hạn hoạt động của Quỹ	Không giới hạn
- Đơn vị tiền tệ	Việt Nam Đồng
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu	1.000.000 (một triệu đồng)
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư	Mục tiêu của Quỹ đầu tư VF4 dạng quỹ mở là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục đầu tư của quỹ sẽ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ.
- Hình thức sở hữu	Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử
- Địa điểm phát hành:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) Phòng 903, tầng 9, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

▪ Các đối tác có liên quan đến các đợt phát hành tiếp theo:

Tổ chức phát hành	: Quỹ Đầu tư Doanh Nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)
Đại diện phát hành	: Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán dự kiến	: Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC)
Hệ thống Đại lý phân phối	: Chi tiết về địa chỉ và chi nhánh của các đại lý phân phối được nêu trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các Đại lý Phân phối chỉ định khác nhau và chỉ được giao dịch theo số lượng chứng chỉ quỹ mở của tài khoản đó.

1.1 Giấy phép phát hành

Quỹ VFMVF4 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chuyển đổi từ hình thức quỹ đóng sang quỹ mở theo giấy phép 06/GCN-UBCK vào ngày 16/12/2013.

1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động.

2. Tình hình hoạt động của Quỹ VFMVF4

Bảng dưới đây thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVF4 trong quá khứ. Các chỉ số thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVF4 bao gồm các chỉ số về NAV, tăng trưởng, chi phí, vòng quay vốn đầu tư của quỹ VFMVF4 và tăng trưởng của VN-Index, HNX-Index. Tăng trưởng của Quỹ VFMVF4 đã bao gồm lợi nhuận từ cổ tức, lãi suất từ tiền gửi và trái phiếu và đã trừ đi chi phí hoạt động (phí quản lý, phí lưu ký giám sát, ...) tuy nhiên chưa bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động quỹ mở (giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi, ...). Kết quả hoạt động trong quá khứ không bảo đảm kết quả lợi nhuận trong tương lai.

VF4				
Update Bảng cáo bạch	2015	2014	2013	2012
NAV (tỷ đồng)	285.0	356.4	682.1	533.9
Số lượng ccq (triệu ccq)	26.5	39.7	80.6	80.6
NAV/ccq (đồng)	10,762.9	8,976.7	8,458.0	6,621.0
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)	11,202.9	10,901.6	8,663.0	7,392.0
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)	8,737.4	8,457.2	6,145.0	5,359.0
Chi phí hoạt động/ tài sản bình quân (%)	2.4	2.4	2.4	2.4
Vòng quay danh mục đầu tư (%)	113.6	91.8	25.5	44.2
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (28/02/2008) (*)	27.6	9.8	4.6	(13.8)
VN-Index (%)	(12.7)	(17.7)	(23.9)	(37.6)
HNX-Index (%)	(65.0)	(63.6)	(70.8)	(75.0)
Tăng trưởng kể từ đầu năm (%)	19.9	6.1	27.7	20.2
VN-Index (%)	6.1	8.1	22.0	17.7
HNX-Index (%)	(3.6)	22.3	18.8	(2.8)

(*): Tăng trưởng từ khi hoạt động bao gồm cổ tức đã trả cho nhà đầu tư trong quá khứ.

3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động với phong cách linh hoạt từ đầu tư giá trị tới đầu tư tăng trưởng. Tài sản đầu tư quỹ hướng tới chủ yếu là các cổ phiếu và các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản và nguồn vốn, thị phần kinh doanh, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu cơ bản khác...) trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.3 Cơ cấu đầu tư:

Quỹ VFMVF4 sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính;

- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền và các tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;
- h) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3.4 Lĩnh vực đầu tư:

Với chiến lược đầu tư như đã đề cập ở trên, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian dựa theo tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và tùy vào mức độ thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư VFMVF4. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại quy định về Hạn chế đầu tư. Các ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn):

- Thực phẩm - Nước giải khát & Thuốc lá
- Hàng tiêu dùng
- Bán lẻ
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Ngân hàng & Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp
- Tiện ích công cộng
- Bảo hiểm
- Dược phẩm- công nghệ sinh học
- Dệt may- Thiết bị phụ tùng
- Vận tải
- Dịch Vụ Thương Mại & Tư Vấn
- Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô
- Dịch Vụ Tiêu Dùng
- Truyền Thông
- Sản Phẩm Cá Nhân & Gia Đình
- Dịch Vụ & Thiết Bị Y Tế
- Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm
- Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ
- Bán Dẫn & Thiết Bị Bán Dẫn
- Dịch Vụ Viễn Thông

3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Danh mục đầu tư của quỹ VFMVF4 phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Chương IV, mục 3.3 Bản cáo bạch,
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - a) Trữ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b mục 3.3 Chương IV Bản cáo bạch;
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f khoản 1 mục 3.3 Chương IV Bản cáo bạch, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 mục c, nội dung 2, chương VIII Bản cáo bạch;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 1 mục 0 Chương IV Bản cáo bạch;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm,
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 2 ở mục 3,5 Chương IV của Bản cáo bạch, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch so với các hạn chế quy định tại khoản 2 mục 3.5 và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 ở mục 3.5 trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có), Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 1 mục 0 Chương IV của Bản cáo bạch phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

3.6 Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a mục 3.3 Bản cáo bạch.
2. Công ty quản lý quỹ VFM không được phép vay để đầu tư, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ VFMVF4 để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ VFMVF4 được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Các phương pháp lựa chọn đầu tư bao gồm:

- Áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-down) thông qua phân tích từ vĩ mô tổng quan nền kinh tế, đến phân tích xu hướng phát triển các ngành, từ đó chọn lọc những doanh nghiệp hàng đầu được hưởng lợi và có tiềm năng tăng trưởng.
- Sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) làm nguyên tắc chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững và rủi ro của từng khoản đầu tư để đi đến quyết định đầu tư. Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo tuần tự (i) mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận, sức mạnh cũng như sự ổn định tài chính, giá trị tài sản, dự báo dòng tiền và chất lượng quản trị; (ii) tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng; (iii) những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ lên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát... Một khi các cổ phiếu đã được lựa chọn đầu tư, quỹ sẽ tiếp tục tích cực theo dõi và nâng động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư.
- Kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng, ưu tiên các cơ hội đầu tư với giá trị cơ bản bền vững, có tiềm năng tăng trưởng và thu hút dòng tiền đầu tư trên thị trường.

Với các cơ hội đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các công cụ nợ khác. Quỹ đầu tư sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ VFMVF4 và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ VFMVF4, Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

4.2 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những rủi ro của Quỹ VFMVF4 là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, hiệu quả của việc thanh toán các khoản đầu tư giảm do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp, do đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của Quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ VFMVF4 tập trung đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt, có quy mô vốn lớn và vừa, có tính thanh khoản thị trường cao.

4.3 Rủi ro về lãi suất thị trường

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cổ tức... sẽ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Công ty quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

4.4 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.

Tại Việt Nam hiện nay việc đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế vẫn còn hạn chế và mới chỉ thực hiện ở các tổ chức lớn, do các tổ chức trung gian của nước ngoài thực hiện. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc áp dụng danh mục đầu tư đa dạng hóa, danh mục chứng khoán nợ của Quỹ VFMVF4 sẽ chủ yếu tập trung đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu của doanh nghiệp nhưng được đánh giá hạn mức tín nhiệm bởi một tổ chức có uy tín của nước ngoài. Đối với các khoản tiền gửi ngắn hạn hưởng lãi suất hoặc các giao dịch mua bán lại (repo). Quỹ VFMVF4 có những cơ chế chọn lọc đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn để thực hiện giao dịch mua bán lại nhằm hạn chế tối đa rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác.

4.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90. Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ VFMVF4 trong tương lai.

4.6 Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo cơ chế Quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVF4, Tuy nhiên, khi tất cả các nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

Trong một số trường hợp bất khả kháng, nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVF4 trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định tại Chương V mục 5,7 – “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này.

Khi việc thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên. Công ty quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

4.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ.

4.8 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo Quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ VFMVF4,

V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư cần tiến hành các thủ tục và hồ sơ liên quan đến thủ tục mở tài khoản tại các Đại lý phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở:

a. Đơn đăng ký mở tài khoản:

Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (Phiếu Đăng Ký). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty VFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối.

b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở:

Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở (Lệnh Mua) sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch.

Các Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin này cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.

c. Tuân Thủ:

Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua được soạn thảo để Công ty quản lý quỹ VFM có thể tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Do đó các thông tin nhà đầu tư cung cấp liên quan đến Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo qui định của pháp luật Việt Nam, tất cả các nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền

đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các quy định về thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác được ban hành bởi chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ sở tại của nhà đầu tư tại các thời điểm khác nhau. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam và cần xin cấp mã giao dịch chứng khoán. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d. Chấp nhận Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua:

Công ty quản lý quỹ VFM có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML.

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và sau khi Công ty quản lý quỹ đã thông báo cho tổ chức đại lý chuyển nhượng.

Nhà đầu tư liên lạc với Đại lý phân phối hoặc Công ty quản lý quỹ VFM để được hướng dẫn cụ thể.

2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ

- Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 là hằng ngày vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật.
- Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 14g30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/ bán/ chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư/ người được nhà đầu tư ủy quyền đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Nếu lệnh giao dịch đến sau thời điểm đóng sổ lệnh, thì lệnh giao dịch này sẽ bị hủy vào ngày giao dịch đã đăng ký và có thể chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp theo yêu cầu của nhà đầu tư;
- Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó, Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư. Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

c. Hủy lệnh giao dịch:

- Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được hủy trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không hợp lệ;
- Các lệnh giao dịch đã đăng ký trước đó không được hủy một phần;

- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch, và phải trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp nhà đầu tư hủy lệnh Mua chứng chỉ quỹ sau khi đã chuyển số tiền đăng ký mua vào tài khoản Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh, thì số tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư chậm nhất ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Các phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

d. Thời hạn xác nhận giao dịch:

- Là thời điểm chậm nhất một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+1), tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:

- Trong vòng ba (03) ngày làm việc (T+3) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ VFMVF4 sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ.

f. Duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và chứng chỉ quỹ lẻ:

- Nhà đầu tư phải duy trì ít nhất một trăm (100) đơn vị quỹ trong tài khoản để đảm bảo việc duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Chứng chỉ quỹ lẻ (dưới 100 đơn vị quỹ) được phát sinh từ một trong các nguyên nhân sau:
 - Từ quá trình chuyển đổi hình thức quỹ từ dạng đóng sang dạng mở; hoặc
 - Phát sinh khi lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 7, của Bản cáo bạch; hoặc
 - Phát sinh từ lệnh mua của nhà đầu tư.

3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 sẽ được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và giá trị tài sản ròng của Quỹ dùng để tính Giá giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVF4 sẽ được và công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ và theo các quy định về công bố thông tin;
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
 - Giá phát hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ;
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi.
 - Giá mua lại: là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi phí mua lại.

4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch mua khi đã hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 tại các Đại lý Phân phối chỉ định;
- Giá trị giao dịch của lệnh mua không được nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 1,000,000 (một triệu) đồng;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh;
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ đã được

chuyển đến tài khoản của Quỹ VFMVF4 tại Ngân Hàng giám sát bằng Việt Nam Đồng trước thời điểm đóng sổ lệnh;

- Nhà đầu tư/người được nhà đầu tư ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng như sau:

- Tên tài khoản : **QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4)**
- Số tài khoản : theo số tài khoản của từng Đại lý phân phối được nêu ở Phụ lục 1
- Tên ngân hàng : Standard Chartered Bank (VN) Limited
- Số tiền : Số tiền đăng ký mua
- Nội dung : [số tài khoản giao dịch CCQ mở] – [mã sản phẩm] - [tên nhà đầu tư]

- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.
- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán. Nhà đầu tư ủy quyền cho công ty quản lý quỹ thực hiện điều chỉnh lệnh giao dịch để đáp ứng theo quy định này;
- Trong trường hợp tổng giá trị đăng ký mua của nhà đầu tư dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ, thì nhà đầu tư được nắm giữ chứng chỉ quỹ này được xem là chứng chỉ quỹ lẻ;
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;
- Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của nhà đầu tư đến tài khoản của Quỹ VFMVF4 tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.

5. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- Lệnh giao dịch bán phải được điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán chứng chỉ quỹ và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh;
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn một trăm (100) đơn vị quỹ và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được định nghĩa tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này;
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại kỳ giao dịch;
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 7– “*thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ*” của Bản cáo bạch này;
- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

Giá trị Bán được nhận = Số lượng CCQ được mua lại x NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch x (1- Giá dịch vụ mua lại(%))

- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh bằng tiền Việt Nam Đồng chậm nhất là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+3);
- Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu;
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi giữa các Quỹ do Công ty VFM quản lý (VFMVF1, VFMVF4, VFMVFB, VFMVFA) tại các ngày giao dịch của chứng chỉ quỹ chuyển đổi;
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến loại giao dịch này và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư cho đến khi giá trị tài sản ròng của quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng;
 - c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo với Ban đại diện trong trường hợp có 6 kỳ giao dịch liên tục xảy ra mà công ty quản lý quỹ chỉ đáp ứng được dưới 50% giá trị lệnh bán ròng (tức tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua, bao gồm cả hoạt động chuyển đổi) của nhà đầu tư mặc dù giá trị lệnh bán ròng tại mỗi kỳ giao dịch không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm đó.
2. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định tại khoản 1 của mục 7 nêu trên, công ty quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ:
 - Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại khoản (a) và (b) tại (1) nêu trên. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

Xi: số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;

SLDKi: số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán;

SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư;

Σ **SLDKi:** tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Nếu phần lệnh còn lại chưa được thực hiện **thấp hơn, lớn hơn** hoặc **bằng** số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 100 chứng chỉ quỹ) và các lệnh tới sau thời gian chốt lệnh sẽ tự động bị hủy trong cùng kỳ giao dịch;
- Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại kỳ giao dịch kế tiếp.

3. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.

Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định trên, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ;

Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ VFMVF4 cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định;
- Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh của mỗi ngày giao dịch;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

9. Người được ủy quyền từ nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện việc các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/hủy giao dịch và chuyển khoản tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4;
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Thông tư 123/2015/TT-BTC về việc ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Nhà đầu tư phải điền thông tin người được ủy quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 về việc ủy quyền cho người thứ hai thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu. Thông tin người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại các Đại lý Phân phối.

10. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức hoặc người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp và bảo đảm tiền thanh toán vào tài khoản của Quỹ VFMVF4 trước thời điểm chốt sổ lệnh;

- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Thông tư số 05/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ VFMVF4 đối với việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVF4, Nhà đầu tư nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần (FIICA) cho Đại lý Phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Việc chuyển khoản mua chứng chỉ Quỹ VFMVF4 được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ VFMVF4 không được chuyển khoản từ " tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) theo quy định của pháp luật.

11. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

11.1 Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ

- a. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh;
- b. Các lệnh đặt mua chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian đóng sổ lệnh,
- c. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng **không có 1 hoặc tất cả những** nội dung in đậm sau:
 - **[số tài khoản giao dịch CCQ mở] – [mã sản phẩm] - [tên nhà đầu tư]**
- d. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ mà không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối;
- e. Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu là 1,000,000 (một triệu đồng):
 - Công ty quản lý Quỹ sẽ chỉ thị ngân hàng giám sát chuyển trả lại số tiền này cho người đã chuyển theo số chứng từ gốc của ngân hàng đối với các giao dịch không hợp lệ;
 - Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch không hợp lệ này sẽ do nhà đầu tư chịu. Thời hạn trả tiền lại cho nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

11.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ

- a. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang sở hữu;
- b. Các lệnh đặt bán chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian chốt sổ lệnh;
- c. Số lượng đặt bán dẫn đến số lượng chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản lớn hơn không (0) nhưng thấp hơn mức sở hữu tối thiểu quy định, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này;
- d. Lệnh bán được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ.

12. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ VFMVF-ISAVING

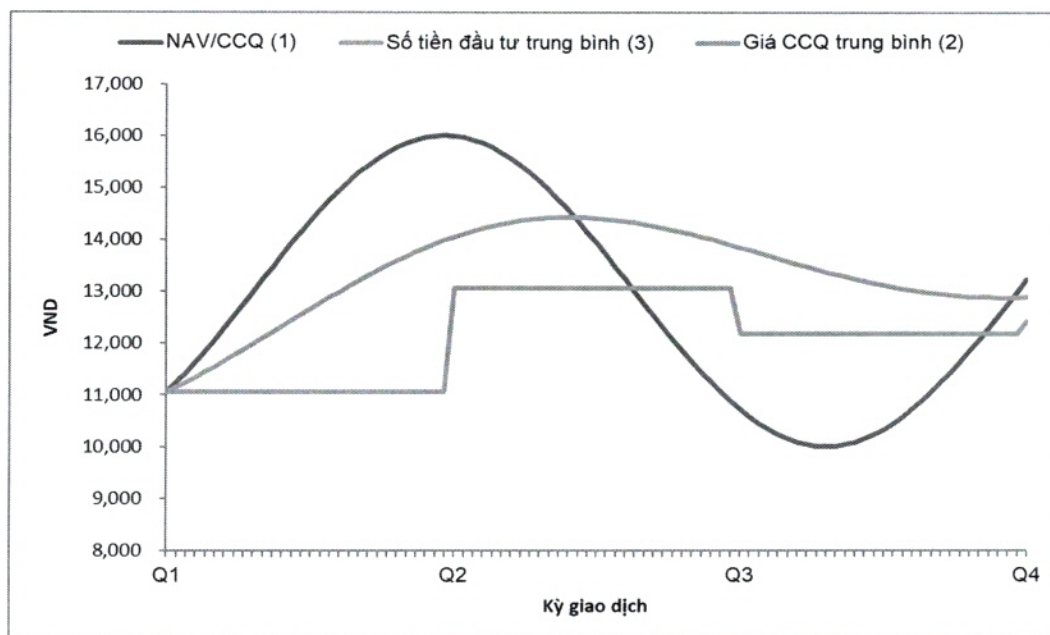
12.1. Tổng quan:

Chương trình Đầu tư định kỳ (VF-ISAVING) là phương thức đầu tư thông minh có hệ thống, giúp nhà đầu tư tích lũy một số tiền lớn tại một thời điểm xác định trong tương lai thông qua việc mua chứng chỉ quỹ một cách đều đặn và kỷ luật với một khoản tiền theo định kỳ.

Đầu tư chứng chỉ quỹ theo phương thức VF-ISAVING giúp nhà đầu tư có được lợi ích về chi phí đầu tư thông qua nguyên tắc bình quân giá. Nhà đầu tư định kỳ mua vào các chứng chỉ quỹ với một khoản chi phí đầu tư cố định sẽ mua được số lượng chứng chỉ quỹ nhiều hơn hay ít hơn tùy theo giá của chứng chỉ quỹ tại thời điểm mua. Theo thời gian, khi tính bình quân lại các lần đầu tư, chi phí đầu tư trung bình trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ qua phương thức VF-ISAVING thường thấp hơn giá trung bình của các đơn vị chứng chỉ quỹ, từ đó tạo ra lợi ích về chi phí cho nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, đầu tư theo phương thức VF-ISAVING cũng dựa vào nguyên tắc lãi sinh lãi (hay còn gọi là lãi kép) khi giá trị các đơn vị chứng chỉ quỹ tăng trưởng và được cộng dồn vào giá trị gốc theo thời gian để tiếp tục sản sinh ra mức lợi nhuận cao hơn. Nhà đầu tư bắt đầu càng sớm với VF-ISAVING thì càng có cơ hội đạt được lợi suất đầu tư lớn hơn trong tương lai.

Minh họa nguyên tắc bình quân giá của chương trình VF-ISAVING



Ghi chú:

- (1) NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ trong mỗi kỳ giao dịch.
- (2) Giá trung bình của chứng chỉ quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng chứng chỉ quỹ cố định cho mỗi kỳ giao dịch.
- (3) Số tiền đầu tư trung bình trên mỗi chứng chỉ quỹ nếu đầu tư một khoản định kỳ tại giá NAV của ngày giao dịch.

Minh họa nguyên tắc lãi sinh lãi

Nhà đầu tư tham gia chương trình VF-ISAVING với số tiền đầu tư là 1 triệu đồng/tháng theo các kỳ hạn đầu tư khác nhau và ở các mức tỷ suất lợi nhuận khác nhau.

Tỷ suất lợi nhuận	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm
9.0%	12,507,586	26,188,471	41,152,716	57,520,711	75,424,137
18%	13,041,211	28,633,521	47,275,969	69,565,219	96,214,652
22%	13,287,086	29,810,861	50,359,771	75,914,324	107,693,880

Đơn vị tính: VND

12.2. Thủ tục tham gia chương trình:

Để tham gia chương trình VF-ISAVING, nhà đầu tư cần thực hiện đầy đủ các bước sau:

1. Đăng ký tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở với VFM.
2. Điền phiếu Lệnh Mua VF-iSAVING và gửi về công ty VFM hoặc truy cập vào ứng dụng giao dịch trực tuyến VF-iTrade của VFM và đặt Lệnh Mua VF-iSAVING cho kỳ giao dịch đầu tiên. Lệnh Mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không phải đặt lại lệnh.
3. Chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

Nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch tại VFM chỉ cần thực hiện từ bước 2 trở đi.

12.3. Cách thức hoạt động

- a. Lệnh Mua: sau khi nhận được Lệnh Mua từ nhà đầu tư và xác nhận tiền đã vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, hệ thống của VFM sẽ thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch gần nhất. Sau kỳ giao dịch đầu tiên, hệ thống sẽ tự sinh một (01) lệnh Mua cho mỗi tháng tiếp theo, nhà đầu tư chỉ cần chuyển khoản tiền đầu tư VF-ISAVING, lệnh Mua sẽ khớp theo số số tiền mà tài khoản của Quỹ nhận được từ nhà đầu tư.
- b. Lệnh Bán: Nhà đầu tư điền vào Phiếu Bán VF-ISAVING và gửi về VFM hoặc thao tác Lệnh Bán trên ứng dụng VF-iTrade. Lệnh Bán sẽ được thực hiện theo nguyên tắc FIFO vào ngày giao dịch gần nhất sau khi hệ thống của VFM nhận được yêu cầu bán.
- c. Hủy lệnh định kỳ: Nhà đầu tư không còn nhu cầu đầu tư VF-ISAVING có thể chấm dứt chương trình bằng cách điền phiếu Yêu cầu Hủy lệnh định kỳ và gửi về VFM hoặc thao tác Hủy lệnh định kỳ trên ứng dụng VF-iTrade. Hệ thống sẽ không tiếp tục sinh lệnh sau khi nhận được yêu cầu Hủy. Sau khi hủy lệnh định kỳ, số chứng chỉ quỹ tích lũy được thông qua VF-ISAVING vẫn tồn tại trong tài khoản nhà đầu tư và được áp dụng phí bán của chương trình VF-ISAVING khi nhà đầu tư bán số chứng chỉ quỹ này.
- d. Ngày giao dịch (ngày T)
Ngày giao dịch VF-ISAVING là ngày giao dịch gần nhất sau ngày VFM/Quỹ nhận được Lệnh Mua và tiền đầu tư định kỳ hoặc Lệnh Bán từ nhà đầu tư.
- e. Ngày thanh toán định kỳ
Ngày thanh toán định kỳ của VF-ISAVING là ngày nhà đầu tư thực hiện chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Ngày thanh toán có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng.
- f. Hình thức thanh toán
 - Việc thanh toán tiền đầu tư định kỳ được thực hiện theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát; hoặc thanh toán tự động trích từ tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước của nhà đầu tư đến tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Nhà đầu tư nên làm việc với ngân hàng nơi nhà đầu tư có tài khoản để thực hiện các lệnh chờ thanh toán với một số tiền và tần suất thanh toán cố định.
 - Giao dịch mua chứng chỉ quỹ sẽ không được thực hiện đối với những kỳ không được thanh toán.
 - Do cơ chế lệnh Mua tự sinh mỗi tháng, trường hợp nhà đầu tư thanh toán tiền đầu tư định kỳ nhiều hơn một lần trong tháng thì hệ thống sẽ ưu tiên khớp lệnh mua cho số tiền mà Quỹ nhận được đầu tiên theo thứ tự thời gian. Các khoản tiền còn lại sẽ được tự động chuyển sang kỳ giao dịch đầu tiên của các tháng gần nhất kế tiếp.
- g. Tiền đầu tư định kỳ VF-ISAVING
 - Số tiền tối thiểu để tham gia đầu tư VF-ISAVING là 1 triệu đồng/kỳ thanh toán.
 - Trường hợp số tiền thanh toán định kỳ của nhà đầu tư ít hơn số tiền tối thiểu thì VFM sẽ phối hợp với Ngân Hàng Giám Sát để hoàn trả lại (vào ngày T+3) cho nhà đầu tư số tiền đã nộp, phí chuyển tiền do nhà đầu tư chịu. Nhà đầu tư xem như không thực hiện thanh toán cho kỳ giao dịch này do số tiền thanh toán định kỳ không hợp lệ.

12.4 Giá dịch vụ áp dụng

Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÀM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC

1. Thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ VFM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) là công ty quản lý quỹ nội địa đầu tiên được thành lập trên thị trường tài chính Việt Nam vào năm 2003 và cũng là công ty thành viên thuộc tập đoàn Dragon Capital, tổ chức tài chính nước ngoài uy tín có hoạt động lâu đời tại Việt Nam. Với bề dày lịch sử hoạt động lâu nhất trong ngành quản lý quỹ nội địa, sau 15 năm VFM đã đạt được nhiều thành công đáng chú ý và trở thành công ty quản lý quỹ nội địa có tổng tài sản quản lý hàng đầu, hiện đang quản lý gần 7,000 tỷ đồng. Công ty có rổ sản phẩm và dịch vụ đa dạng nhất trên thị trường như quỹ mở cân bằng, quỹ mở đầu tư cổ phiếu, quỹ mở đầu tư trái phiếu, quỹ hoán đổi danh mục nội địa, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư có thể đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Với sự nỗ lực vượt bậc, tiên phong và dẫn đầu thị trường trong việc cho ra đời và phát triển nhiều sản phẩm đầu tư đa dạng, VFM đã trân trọng nhận được nhiều giải thưởng quốc tế trong đầu tư và quản lý quỹ:

- *Giải thưởng Triple A danh giá dành cho Nhà quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2017 được bình chọn bởi The Asset.*
- *Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2016 được bình chọn bởi International Finance Magazine.*
- *Công ty đầu tư xuất sắc 2016 được bình chọn bởi Wealth & Finance International.*
- *Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2014 được bình chọn bởi Global Banking and Finance Review.*
- *Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2014 được bình chọn bởi International Finance and Asia Asset Management.*
- *Nhà quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2014 được bình chọn bởi Asia Asset Management.*

Các quỹ do công ty VFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)
- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)
- Quỹ hoán đổi danh mục VFMVN30

Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm trang thông tin điện tử vfm.com.vn

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty VFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty VFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị của công ty VFM

- | | |
|-----------------------|---------------------------------------|
| ▪ Ông Dominic Scriven | Chủ tịch |
| ▪ Ông Trần Thanh Tân | Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông Lê Hoàng Anh | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Cựu | Thành viên HĐQT |

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Khối Đầu tư

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM

- Ông Trần Thanh Tân Tổng Giám đốc
- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Lê Minh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Terence Trần Hiếu Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

1.3 Giới thiệu Ban điều hành Quỹ VFMVF4

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Người điều hành Quỹ
- Ông Trần Lê Minh Người điều hành Quỹ

2. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

3. Công ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVF4, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ VFMVF4 sẽ là Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC).

4. Tổ Chức Được Ủy Quyền

- a. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: **Dịch vụ quản trị Quỹ**

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

- b. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: **Đại lý chuyển nhượng**

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)

Địa chỉ: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Điện thoại: + 84 4 39747113 Fax: + 84 4 39747120

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối thông qua các tổ chức được chỉ định và được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ;
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định hằng ngày vào các ngày làm việc và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới;
- Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác;
- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và được lấy đến 2 số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được hạch toán vào quỹ. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hằng ngày vào các ngày trong tuần và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày trong tuần (của kỳ định giá ngày) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại Diện Quỹ trước khi thực hiện.

b. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ VFMVF4 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ lưu ký, phí hành chính, giá dịch vụ định giá,...) tại ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), theo quy của Sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế) (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>- Trong các trường hợp sau:</p> <p>* Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện (BĐD) Quỹ phê duyệt;</p> <p>+ Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BĐD quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p>

		+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt - Hoặc trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận,
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận. <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua (cost price); hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận. <p>Trong thời gian chứng khoán ở sàn UPCOM làm thủ tục chuyển lên niêm yết thì dùng giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn UPCOM trước ngày định giá.</p>
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BDD quỹ chấp thuận.



11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận từng trường hợp cụ thể.

Chứng khoán phái sinh

13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận từng trường hợp cụ thể.
15	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại điểm c Điều này.

Các tài sản khác

16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.
----	-----------------------------------	---

Ghi chú :

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương;
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan,

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, NAV/ccq được lấy đến 2 chữ số thập phân.

c. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số

	quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium),

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

1.1 Giá dịch vụ phát hành tại các lần giao dịch

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư trả cho công ty quản lý quỹ khi mua một đơn vị Quỹ VFMVF4, Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ VFMVF4.
- Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.2 Giá dịch vụ mua lại

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi ngày giao dịch, Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO);

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng

1.3 Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức phí giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ chuyển đổi trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả

2.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ thường niên

- Giá dịch vụ quản lý tối đa là 2% NAV/năm, Giá dịch vụ này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVF1, Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.

- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;

- Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;

Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ áp dụng (NAV/năm)	Mức giá dịch vụ tối thiểu (VND/tháng)
Giá dịch vụ giám sát <i>(chưa bao gồm GTGT nếu có)</i>	0,04%	23.000.000
Giá dịch vụ lưu ký	0,04%	22.000.000

- Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v...

- Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật;
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.3 Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ VFMVF4 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ;
- Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được chi trả hàng tháng với mức giá dịch vụ cụ thể như sau:

Mức giá dịch vụ áp dụng (NAV/năm)	Mức giá dịch vụ tối thiểu (VND/tháng)
0,03%	5.000.000

- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

- **Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)**

2.4 Giá dịch vụ liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ

- Giá dịch vụ giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký

Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ áp dụng
------------------	-------------------------

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán	100.000 VND/giao dịch
-----------------------------------	-----------------------

- Giá dịch vụ giao dịch khác trả cho Ngân hàng lưu ký sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng lưu ký.
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các giao dịch thực hiện trong tháng.
- Phí giao dịch khác
 - Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

Các chi phí này sẽ được thanh toán theo thực tế phát sinh.

2.5 Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Transfer Agency - TA)

- Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ do Quỹ VFMVF4 chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ;
- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng là 10 triệu đồng/ tháng, được tính phân bổ cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Giá dịch vụ giao dịch mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên/tháng;
- Giá dịch vụ thực hiện quyền là 1.000.000 đồng/1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền;
- Tổng giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm;
- Tổng giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96 triệu đồng/năm (8 triệu đồng/tháng). Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu này.
- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ được tính lại vào cuối năm dựa vào NAV bình quân của năm và sẽ được điều chỉnh vào tháng đầu tiên của năm sau (nếu có);
- Mức giá dịch vụ, phương pháp và thời hạn thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Các loại giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.6 Các loại phí và lệ phí khác

Là các chi phí sau thuế do Quỹ VFMVF4 chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty quản lý quỹ;
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký;
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ;
10. Thủ lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
12. Chi về bảo hiểm (nếu có);
13. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);

14. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
15. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
16. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật,

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
- b. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
- c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- d. Các chi phí khác bao gồm:
 - Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ;
 - Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ("quay vòng"). Số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán cổ phiếu càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ VFMVF4, Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.

Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ VFMVF4 được công bố trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 và Quý 4 hàng năm, trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Báo cáo chỉ tiêu hoạt động của Quỹ VFMVF4 sẽ được công ty VFM cập nhật định kỳ (nếu có sự thay đổi) đồng thời với việc thực hiện cập nhật Bản cáo bạch này.

X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

2. Phân phối lợi nhuận

- 1.1. Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- 1.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 1.3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
- 1.4. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
- 1.5. Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - d. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e. Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- a. Công ty quản lý quỹ sẽ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
- b. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

- c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VFMVF4 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Thông tư 05/2014/TT-NHNN ngày ngày 12 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại việt nam.
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ chuẩn bị các báo cáo định kỳ của Công ty và của Quỹ VFMVF4, Các báo cáo này sẽ được Công ty quản lý quỹ VFM gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ VFM sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ VFMVF4 và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ VFM www.vfm.com.vn và tại các hệ thống Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ do công ty chỉ định.

Báo cáo hoạt động quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày kể từ ngày định giá (giao dịch chứng chỉ quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của Luật.

**XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM – VietFund Management**

Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3825 1488
- Fax: (028) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Phòng 903, tầng 9, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84.24) 3942 8168 Fax: (84.24) 3942 8169

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ VFMVF4, Danh sách Đại lý phân phối được đính kèm trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn



**Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc**

**PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP
BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VFMVF4)**

(áp dụng từ khi Quỹ VFMVF4 được cấp giấy phép chuyển đổi từ UBCKNN đến khi có thông báo mới)

Chứng chỉ Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VFMVF4) được phân phối thông qua các đại lý chính thức sau:

1. Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Việt nam – VFM
Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền: **90183711704**
Trụ sở chính tại Tp Hồ Chí Minh
 - o Địa chỉ : Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM
 - o Điện thoại : (028) 3825 1488 Fax : (028) 3825 1489
2. Ngoài VFM, đại lý phân phối còn bao gồm các công ty trong danh sách Đại lý phân phối được cập nhật liên tục trên trang thông tin điện tử vfm.com.vn